

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Tháng 06/2026

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hiệp Phước.
2. Địa chỉ: Khu B, đường số 1, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
3. Công suất thiết kế: 40.000 – 45.000 m³/ ngày, đêm. Tổng số doanh nghiệp được cung cấp nước: 163 (sản lượng nước trung bình: 9.000 m³/ ngày).
4. Nguồn nước nguyên liệu (nước mặt):
 - Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
 - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 05/06/2026
6. Người kiểm tra: Lê Hoàng Tâm.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
 - 7.1. Số mẫu: 03
 - 7.2. Vị trí lấy mẫu:
 - M1: Nước cấp Khu A;
 - M2: Nước cấp Khu B,C;
 - M3: Nước cấp Giai đoạn 2.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Kết quả kiểm nghiệm nước;
2. Báo cáo nội kiểm chất lượng nước sạch;
3. Báo cáo tổng hợp kết quả chất lượng nước sạch;
4. Hồ sơ kiểm tra của cơ quan chức năng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, vị trí lấy mẫu Các thông số	M1	M2	M3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Màu sắc (TCU)	KPH	KPH	KPH	15	Đạt
2.	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3.	Độ đục (NTU)	KPH	KPH	KPH	2	Đạt
4.	pH	7.6	7.6	7.7	Trong khoảng 6.0 – 8.5	Đạt
5.	Hàm lượng amoni (mg/L)	KPH	KPH	KPH	1	Đạt
6.	Arsenic (As mg/L)	KPH	KPH	KPH	0.01	Đạt
7.	Chỉ số Permanganate (mg/L)	KPH	KPH	KPH	0.01	Đạt
8.	Clo dư tự do (*) (mg/L)	0.5	0.5	0.6	Trong khoảng 0.2 – 1.0	Đạt
9.	Coliform tổng số (CFU/100 mL)	<1	<1	<1	<3	Đạt
10.	E.coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	<1	<1	<1	<1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

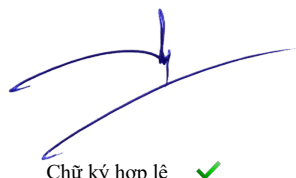
D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không có.

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không có.

Phòng Quản lý Môi trường:

Người lập:

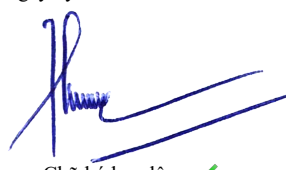
Ký số bởi: **Hồ Long Đăng**
Ngày ký: 17/06/2026 14:00



Chữ ký hợp lệ ✓

Hồ Long Đăng

Ký số bởi: **Đặng Thị Hồng Nhung**
Ngày ký: 17/06/2026 13:53



Chữ ký hợp lệ ✓

Đặng Thị Hồng Nhung

Q326C065937
(MTTN26009100.01.R1)**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

15/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **M1/ NƯỚC CẤP KHU A**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: **05/06/2026**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai nhựa / *Container: plastic bottle, plastic vial*
- Số đơn vị/mẫu: 2 L x 01 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 2 L x 01 + 500 mL x 02*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 05/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 05/06/2026 - 12/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC**
Khu B, Đường số 01, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR**PHÓ GIÁM ĐỐC**
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C065937
 (MTTN26009100.01.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-	< 1
7.2	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(*)	-	< 1
7.3	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.4	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (**)
7.5	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,6	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (**)
7.6	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.7	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (**)
7.9	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.10	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C065937
(MTTN26009100.01.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/06/2026

Trang/ Page: 3/3

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam / Vietnamese National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Việt Nam / Vietnamese National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (**): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (o): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

Q326C065937
(MTTN26009100.02.R2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

15/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : M2/ NƯỚC CẤP KHU B,C
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 05/06/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai nhựa / Container: plastic bottle, plastic vial
- Số đơn vị/mẫu: 2 L x 01 + 500 mL x 02 / Unit/sample: 2 L x 01 + 500 mL x 02
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 05/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 05/06/2026 - 12/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC
Khu B, Đường số 01, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thành Trung



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C065937
(MTTN26009100.02.R2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

15/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.2	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.4	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (**)
7.5	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,6	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (**)
7.6	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.7	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (**)
7.9	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.10	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C065937
(MTTN26009100.02.R2)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/06/2026

Trang/ Page: 3/3

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam / Vietnamese National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Việt Nam / Vietnamese National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (**): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (°): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result “< 1 CFU” is considered “target organism not - detectable” in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C065937
(MTTN26009100.03.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

15/06/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **M3/ NƯỚC CẤP GIAI ĐOẠN 2**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: **05/06/2026**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai nhựa / *Container: plastic bottle, plastic vial*
- Số đơn vị/mẫu: 2 L x 01 + 500 mL x 02 / *Unit/sample: 2 L x 01 + 500 mL x 02*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 05/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 05/06/2026 - 12/06/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC**
Khu B, Đường số 01, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENTAL LAB

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Nguyễn Hoàng Linh


Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C065937
(MTTN26009100.03.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

15/06/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.2	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1
7.3	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.4	Mùi Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ/ No strange odor	-	Không có mùi lạ/ No strange odor (**)
7.5	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (**)
7.6	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.7	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.8	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (**)
7.9	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.10	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C065937
(MTTN26009100.03.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/06/2026

Trang/ Page: 3/3

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam / Vietnamese National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Việt Nam / Vietnamese National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (**): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (°): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.